

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 214/2021/DS-PT

Ngày 10 - 12 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm;

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân;

Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/TLPT-DS ngày 04/10/2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2021/QĐXX- PT ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Quyết định hoãn phiên tòa số: 174./QĐPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T.

Địa chỉ cũ: Số nhà 42, đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ mới: Số nhà 204, tổ 2, tổ dân phố 7 (Khối 7), thị trấn K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng L; Sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số nhà 74/4, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 4 năm 2021, có mặt.

Bị đơn: Ủy ban P, huyện N, Đắk Lắk;

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện N, Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình C; Sinh năm: 1976; Chức vụ: Chủ tịch, có mặt.

- *Người có kháng cáo, kháng nghị:* Bị đơn Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, Công ty T và Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng xây lắp) số 01/2011/HĐ – XD về việc thi công san lấp mặt bằng, đường nội bộ. Hai bên thỏa thuận với nội dung: Ủy ban P giao cho Công ty T thực hiện thi công công trình san lấp mặt bằng khu vực thôn 13, xã P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, nghiệm thu và đúng với thiết kế, quy chuẩn xây dựng Việt Nam; Thời gian thi công: Trong năm 2011; Giá trị của hợp đồng: 1.736.069.000đ. Trường hợp có phát sinh thì được tính theo đơn giá trong hợp đồng. Nếu không có trong hợp đồng thì tính theo giá thị trường tại địa phương vào thời điểm thực hiện hoặc thỏa thuận lại.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ủy ban P không tạm ứng vốn cho Công ty T. Sau khi thi công, Ủy ban P cũng không thanh toán cho Công ty số tiền 1.730.134.000đ dẫn đến khó khăn, nợ thuế, lời lãi phát sinh cho nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban P thanh toán số tiền 1.730.134.000đ; lãi tính từ ngày 24 tháng 01 năm 2018 đến ngày xét xử (Ngày 12 tháng 7 năm 2021) và lãi suất phát sinh theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 2011, Ủy ban P và Công ty T có ký kết hợp đồng dịch vụ về việc thi công san lấp mặt bằng, đường nội bộ với nội dung như đại diện Công ty T trình bày.

Tuy nhiên trong quá trình thi công, không hiểu lý do tại sao Công ty T lại bỏ đi một thời gian sau đó mới quay lại tiếp tục làm.

Đến nay, Công ty T mới hoàn thành được khoảng 2/3 khối lượng công việc và Ủy ban P xác nhận nợ Công ty T số tiền theo Hợp đồng là 1.730.134.000đ, nhưng do chưa bán được đất giá tài sản nên chưa có tiền để thanh toán. Ủy ban P đồng ý trả cho Công ty T số tiền trên, nhưng khi nào bán được đất giá tài sản (Đất) thì mới thanh toán. Còn đối với khoản tiền lãi suất mà Công ty T yêu cầu, thì Ủy ban đề nghị

Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, Ủy ban không có ý kiến gì.

Tại Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng xây lắp) số 01/2011/HĐ - XD năm 2011 về việc thi công san lấp mặt bằng, đường nội bộ:

1. Ủy ban P giao cho Công ty T thi công san lấp mặt bằng khu vực thôn 13, xã P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

2. Giá trị hợp đồng xây lắp sau thuế: 1.736.069.000đ.

Tại Công văn số 144/UBND – KTHT ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk:

1. Giao cho Ủy ban P chủ trì, xác định toàn bộ khối lượng đã triển khai thi công..... Sau khi có kết quả xác định khối lượng, có trách nhiệm thanh quyết toán theo đúng quy định.

2. ...

Tại Công văn số 131/TBTĐ – KTHT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Phòng kinh tế hạ tầng huyện N, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Giá trị khối lượng thực tế đã thi công: 1.730.134.000đ.

Tại Quyết định số 199/QĐ – UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk có nội dung tóm tắt:

1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình.

2. Giá trị quyết toán: 1.730.134.000đ.

3. Ủy ban P được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư hạng mục công trình với số tiền: 1.730.134.000đ.

Tại bản án số: 55/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 và Điều 526 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các điều 513, 515, 516, 517, 518, 519 và Điều 521 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk trả cho Công ty T số tiền 2.327.993.337đ (*Hai tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2021, bị đơn Ủy ban P kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án số: 55/2021/DSST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện N. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án theo hướng: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty T, không buộc UBND P trả tiền thanh toán theo hợp đồng và lãi phát sinh để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban P.

Theo Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện N buộc Ủy ban P phải trả cho Công ty T số tiền 1.730.134.000 đồng, là giá trị khối lượng công việc mà Công ty T đã thực hiện là có cơ sở. Tuy nhiên, Bản án buộc Ủy ban P trả cho Công ty T số tiền lãi tính từ ngày 21/01/2018 đến ngày xét xử (12/7/2021) với số tiền 597.859.337 đồng là chưa chính xác. Bởi lẽ:

Tại Điều 6 của Hợp đồng số 01/2011/HĐ-XD hai bên đã thỏa thuận nguồn tiền UBND P trả cho Công ty T được lấy từ nguồn tiền bán đất, trường hợp không bán được đất thì UBND P có trách nhiệm xin ý kiến của UBND huyện N để làm thủ tục giao đất cho Công ty T.

Ngày 05/12/2018 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3307/QĐ-UBND “Về việc cho phép UBND huyện N chuyển mục đích sử dụng 19.398,6m² đất tại xã P, huyện N từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất”. Trên cơ sở Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk, ngày 01/3/2019 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số: 617/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt thiết kế, cắm mốc phân lô chi tiết để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư thôn 13, xã P, huyện N. Đến ngày 09/9/2019, UBND huyện N ban

hành Quyết định số: 3488/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 74 thửa đất tại khu dân cư thôn 13, xã P, huyện N”. Trên cơ sở các Quyết định nêu trên, UBND P đã ký hợp đồng với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N để tổ chức thực hiện đấu giá.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức bán đấu giá, không có người mua. Do vậy, ngày 27/12/2019, UBND P và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N đã lập biên bản thanh lý hợp đồng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

Đáng lẽ, theo thỏa thuận thì sau ngày thanh lý hợp đồng với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, UBND P phải xin ý kiến của huyện để bàn giao cho Công ty T một số thửa đất (có giá trị tương đương 1.730.134.000 đồng), nhưng UBND xã đã không thực hiện. Như vậy, UBND P đã chậm thực hiện thanh toán cho Công ty T kể từ ngày 28/12/2019, việc chậm trễ đó của UBND xã đã gây thiệt hại cho Công ty T. Do đó UBND P phải chịu trách nhiệm trả lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán cho Công ty T kể từ ngày 28/12/2019.

Bản án xác định số tiền lãi được tính từ ngày 28/01/2018 là chưa chính xác, cần phải tính lại để đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho các đương sự.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của UBND P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk về tính lãi suất.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện trưởng Viện KSND huyện N tỉnh Đắk Lắk.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DSST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện N theo hướng đã phân tích ở trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1.] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận năm 2011, Công ty T và Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp đồng

dịch vụ (Hợp đồng xây lắp) số 01/2011/HĐ-XD về việc thi công san lấp mặt bằng, đường nội bộ. Hai bên thỏa thuận với nội dung: Ủy ban P giao cho Công ty T thực hiện thi công công trình san lấp mặt bằng khu vực thôn 13, xã P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, nghiệm thu và đúng với thiết kế, quy chuẩn xây dựng Việt Nam; Thời gian thi công: Trong năm 2011; Giá trị của hợp đồng: 1.736.069.000đ. Trường hợp có phát sinh thì được tính theo đơn giá trong hợp đồng. Nếu không có trong hợp đồng thì tính theo giá thị trường tại địa phương vào thời điểm thực hiện hoặc thỏa thuận lại.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ủy ban P không tạm ứng vốn cho Công ty T. Sau khi thi công, Ủy ban P cũng không thanh toán cho công ty số tiền 1.730.134.000đ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mà các bên đã ký kết và vi phạm Điều 515 của Bộ luật dân sự. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban P thanh toán số tiền 1.730.134.000đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn Ủy ban P và Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện trưởng Viện KSND huyện N tỉnh Đắk Lắk:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi tính từ ngày 24 tháng 01 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12 tháng 7 năm 2021 và lãi suất phát sinh theo quy định thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi thi công và có kết luận của Phòng kinh tế hạ tầng xác định giá trị khối lượng thực tế mà Công ty T đã thi công, thì Ủy ban nhân dân huyện N đã có quyết định phê duyệt quyết toán với tổng trị là: 1.730.134.000đ, đồng thời cho phép Ủy ban P tất toán nguồn và chi phí đầu tư hạng mục công trình với số tiền trên. UBND P đã ký hợp đồng với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N để tổ chức thực hiện đấu giá. Tuy nhiên, quá trình tổ chức bán đấu giá, không có người mua. Do vậy, ngày 27/12/2019, UBND P và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N đã lập biên bản thanh lý hợp đồng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

Tại Điều 6 của Hợp đồng số 01/2011/HĐ-XD hai bên đã thỏa thuận nguồn tiền UBND P trả cho Công ty T được lấy từ nguồn tiền bán đất, trường hợp không bán được đất thì UBND P có trách nhiệm xin ý kiến của UBND huyện N để làm thủ tục giao đất cho Công ty T. Đáng lẽ, theo thỏa thuận thì sau ngày thanh lý hợp đồng với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N (ngày 27/12/2019), UBND P phải xin ý kiến của huyện để bàn giao cho Công ty T một số thửa đất (có giá trị tương đương 1.730.134.000 đồng),

nhưng UBND xã đã không thực hiện. Như vậy, UBND P đã chậm thực hiện thanh toán cho Công ty T kể từ ngày 28/12/2019, việc chậm trễ đó của UBND xã đã gây thiệt hại cho Công ty T nên ngoài việc phải thanh toán số tiền của giá trị hợp đồng thì Ủy ban P còn phải thanh toán cho Công ty T một khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, UBND P phải chịu trách nhiệm trả lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán cho Công ty T kể từ ngày 28/12/2019.

Quá trình tố tụng, các bên đương sự không thống nhất được với nhau, do đó xác định lãi suất mà Ủy ban P phải trả cho Công ty T với số tiền, được tính như sau: $(10\%/năm \times 1.730.134.000đ \times 562 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 266.393.000đ$ (Đã làm tròn).

Như vậy, tính đến ngày 12 tháng 7 năm 2021, Ủy ban P phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền $1.730.134.000đ + 266.393.000đ = 1.996.527.000$ đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ủy ban P cung cấp cho Tòa án một “Phiếu chi” đề ngày 26/5/2007; Biên bản về cuộc họp, xác định công nợ phải trả ngày 04/4/2014 và cho rằng ngày 26/5/2007, ông Đặng Quốc T, giám đốc Công ty T đã tạm ứng và nhận đủ 100.000.000 đồng cho “Công trình san lấp mặt bằng, đường nội bộ giữa UBND P và Công ty T”. Vì vậy, UBND P yêu cầu khấu trừ số tiền này cho bị đơn. HĐXX nhận thấy, Công trình san lấp mặt bằng, đường nội bộ giữa UBND P và Công ty T được ký kết năm 2011 tuy nhiên phiếu chi thì lại đề ngày 26/5/2007 có sự mâu thuẫn về mặt thời gian chi, chi trước khi hai bên ký hợp đồng. Tại biên bản về việc họp, xác định công nợ ngày 04/4/2014 giữa UBND P và ông T lại không ghi rõ nội dung chi 100.000.000 đồng này cho công trình nào. Mặt khác, Công ty T cũng không thừa nhận khoản tiền 100.000.000 đồng này là số tiền UBND P trả cho Công trình san lấp mặt bằng, đường nội bộ giữa UBND P và Công ty T. Do vậy, không có căn cứ để xem xét đến số tiền này, mà cần tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Từ những phân tích ở trên HĐXX nhận thấy, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của UBND P; Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND P không phải chịu án phí DSPT.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 và Điều 526 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ các điều 513, 515, 516, 517, 518, 519 và Điều 521 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk;

Sửa Bản án dân sự số: 55/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất.

[3] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk trả cho Công ty T số tiền 1.996.527.000đ (*Một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí DSST:

+ Ủy ban P, huyện N, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 36.000.000 đồng + $(1.996.527.000đ - 800.000.000 \text{ đồng} * 3\%) = 71.896.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Công ty T số tiền: 38.284.900đ (32.465.900đ + 5.819.000đ) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0015128 ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Số AA/2019/0015284 ngày 25 tháng 2 năm 2021.

[4.2] Về án phí DSPT:

Hoàn trả cho Ủy ban P số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002951 ngày 21/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm